TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH SÓC TRĂNG
Bản án số: 25 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Út**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lý Thị Đào**

2. Bà **Lâm Thị Tám**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Trần Văn Dũng -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Văn Khải** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 86/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Quách Trúc L**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 1A/10, Khóm 1, Phường N, thành phố K, tỉnh Bạc Liêu. *(có mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Thanh V,** sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp A, xã G, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 3 năm 2019, nguyên đơn chị Quách Trúc L trình bày: Chị L và anh V xây dựng hôn nhân vào năm 2015 và đăng ký kết hôn tại UBND Phường N, thành phố K, tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 18/02/2016. Trong quá trình chung sống, chị L và anh V có một người con chung tên Huỳnh Trí Kh, sinh ngày 10/11/2016. Hiện nay, cháu Kh đang sống chung với chị L. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chung sống, giữa chị L và anh V không phát mâu thuẫn gì nhưng khi chị L sinh con được 04 tháng thì anh V bỏ nhà đi sau đó anh V có điện về

báo cho chị L biết rằng anh V đi thành phố làm ăn thời anh V sẽ về từ đó vợ chồng không liên lạc được với nhau nữa. Nguyên nhân chính là do anh V bỏ nhà đi không quan tâm chăm sóc vợ con dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên giữa chị L và anh V sống ly thân từ năm 2017 khi chị L mới sinh con được 04 tháng cho đến nay. Nay chị L xét thấy vợ chồng sống không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh V. Khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung là cháu Huỳnh Trí Kh, sinh ngày 10/11/2016. Chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị L thì anh V đã được Tòa án nhân dân huyện T đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh V đến Tòa án, nhưng anh V không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án và không đến Tòa án theo giấy triệu tập của tòa nên không thể ghi nhận ý kiến yêu cầu của anh V đối với yêu cầu khởi kiện của chị L được. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị L cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh V. Về con chung, giao cháu Huỳnh Trí Kh, sinh ngày 10/11/2016 cho chị L tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu; anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung, không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị L phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Quách Trúc L khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Huỳnh Thanh V và hiện nay anh V cư trú tại ấp A, xã G, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh V đã được triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh V vắng mặt nên vụ án không hòa giải được phải đưa ra xét xử. Anh V đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh V vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về nội dung: Chị Quách Trúc L và anh Huỳnh Thanh V chung sống với nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố K, tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 18/02/2016 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn chị L và anh V sống hạnh phúc không bao lâu thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do anh V không quan tâm đến gia đình, không chăm lo cho vợ con, rồi bỏ nhà đi không liên lạc gì với vợ con dẫn đến vợ chồng sống không hạnh phúc, thể hiện trong cuộc sống anh V thiếu trách nhiệm trong xây dựng hạnh phúc gia đình. Chính từ những nguyên nhân trên mà vợ chồng sống với nhau không thể có hạnh phúc. Cũng như trong quá trình giải quyết vụ án thì anh V biết được việc chị L yêu cầu ly hôn đối với anh V, nhưng anh V không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm nên anh không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, tìm biện pháp hàn gắn vợ chồng trở lại. Từ nhận định trên Hội đồng xét xử thấy chị L và anh V hai người sống ly thân và không còn tới lui với nhau từ năm 2016 đến nay, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đến mức trầm trọng. Nên việc chị L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh V là cần thiết, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Quách Trúc L đối với anh Huỳnh Thanh V là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về con chung, chị L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Huỳnh Trí Kh, sinh ngày 10/11/2016 đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, cháu Kh hiện đang sống chung với chị L từ khi cháu mới sinh cho đến nay, hiện tại cuộc sống của cháu Kh được ổn định và cháu cũng phát triển bình thường nên không nhất thiết thay đổi môi trường sinh sống của cháu Kh, nên Hội đồng xét xử xét thấy đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị L là có căn cứ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Huỳnh Trí Kh, sinh ngày 10/11/2016 cho chị L tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chị L không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định chị L và anh V không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Anh V không thể hiện có tranh chấp và yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị L phải nộp 300.000 đồng; chị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005506 ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên được chuyển thu án phí.

[7] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Quách Trúc L đối với anh Huỳnh Thanh V. Chị Quách Trúc L được ly hôn đối với anh Huỳnh Thanh V.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Trí Kh, sinh ngày 10/11/2016 cho chị Quách Trúc L tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chị Quách Trúc L không yêu cầu anh Huỳnh Thanh V phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh Huỳnh Thanh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị Quách Trúc L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị Quách Trúc L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005506 ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng, được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự Phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND P N, tp.K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Út